

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HS-ST

Ngày: 11 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hùng;

Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lý Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thanh S (tên gọi khác là B), sinh năm 1982, tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12A ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở: Số 12A ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không có; con ông: Nguyễn Văn K (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T (đã chết); có vợ tên Phan Thị Hồng K; có 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không có; tạm giữ ngày: 27/01/2019; trả tự do ngày 30/01/2019; tạm giam từ ngày 16/5/2019 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện L; bị cáo S có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1/ Nguyễn Văn N, sinh năm 1950; địa chỉ: Số 10A ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Ông N có mặt tại phiên tòa.

2/ Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 10A ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Bà T có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1/ Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 13/9/2001; cư trú tại: Ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Chị N vắng mặt.

2/ Chị Phan Thị Hồng K, sinh năm 1981; cư trú tại: Số 56 Ấp H, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Chị K có mặt tại phiên tòa.

3/ Chị Trần Thị H, sinh năm 1980; cư trú tại: Số 10A Ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Chị H có mặt tại phiên tòa.

4/ Anh Văng Minh T, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; Anh T vắng mặt.

5/ Chị Bùi Thị T, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Chị T vắng mặt.

6/ Anh Võ Thành T, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Anh T vắng mặt.

7/ Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp Bình An, xã Bình Thành, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Chị H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh S là người có nghề nghiệp ổn định, nhưng không lo chí thú làm ăn mà lại chơi bời lêu lổng dẫn đến lâm vào cảnh nợ nần, với số tiền lớn không còn khả năng chi trả.

Vào khoảng 17 giờ, ngày 26 tháng 01 năm 2019, sau khi một mình uống được khoảng 02 (hai) xị rượu tại nhà ở ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, S nghĩ quẩn nên vào nhà lấy toàn bộ quần áo của S và vợ mang để dưới ghế phía sau tủ thờ ông bà rồi chế nhốt lên, châm lửa để đốt nhà. Khi đám lửa bùng phát, S bước S gian nhà kề bên nói với ông Nguyễn Văn K (cha ruột của S) là nhà cháy. Ông K đòi vào nhà để lấy tài sản nhưng S thấy lửa đang cháy lớn nên đã ôm ông K lại, không cho ông K vào nhà. Ngọn lửa tiếp tục bùng phát dữ dội và cháy lan sang căn nhà của gia đình bà Nguyễn Thị Bích T (cô ruột của S). Trong lúc mọi người tập trung dập lửa thì S bỏ về nhà vợ cách nhà S khoảng 01 (Một) km để tiếp tục uống rượu. Đến sáng ngày 27 tháng 01 năm 2019, S đến Công an xã Đ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Hậu quả đã làm cho căn nhà cùng nhiều tài sản, vật dụng của gia đình bà T bị cháy hoàn toàn không còn khả năng sử dụng. Các tài sản bị cháy bao gồm: 01 (một) ngôi nhà cấp 4 xây dựng năm 1999, được sửa chữa năm 2014; 05 (năm) xe mô tô các loại; 04 (bốn) cái bàn dài bằng gỗ thao lao; 06 (sáu) cái ghế bằng gỗ bên để bàn giữa nhà trước; 02 (hai) cái tủ thờ; 02 (hai) cái đi-văng bằng gỗ; 01 (một) cái tủ đựng tivi bằng gỗ; 01 (một) bộ bàn ghế uống trà; 06 (sáu) cái giường ngủ bằng gỗ; 01 (một) cái giường hộp bằng gỗ; 02 (hai) cái tủ để quần áo bằng gỗ; 01 (một) cái tủ chén bằng gỗ; 06 (sáu) cái bàn tròn bằng inox; 20 (hai mươi) cái ghế nhựa có lưng dựa; 75 (bảy mươi lăm) cái ghế đôn nhựa; 01 (một) cái tủ lạnh hiệu Toshiba mua năm 2000; 01 (một) cái máy lạnh hiệu Toshiba mua năm 2014; 01 (một) tivi màn hình phẳng 49 inch hiệu Sony mua năm 2015; 01 (một) tivi màn hình phẳng 49 inch hiệu Samsung cùng bộ Karaoke mua năm 2014; 12

(mười hai) quạt máy hiệu SenKo mua năm 2018; 02 (hai) nồi cơm điện mua năm 2013.

Cơ quan điều tra đã thu giữ tại vị trí nơi phát cháy mẫu quần áo bị cháy đã biến dạng cùng than tro; nắp chụp bằng kim loại trên đầu quạt gas; thu giữ tại hiện trường 01 (một) cái áo thun và 01 (một) đôi dép do S để lại; Nguyễn Thanh S giao nộp 01 (một) cái quần sọt màu xanh, bằng vải kaki.

Tại bản Kết luận định giá số 07/HĐĐG-TS, ngày 28/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện L, đã kết luận tổng giá trị tài sản bị thiệt hại của gia đình ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Bích T là 202.272.500 đồng (Hai trăm lẻ hai triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và các bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận nêu trên của Hội đồng định giá.

Tại bản kết luận giám định số: 160/KL-KTHS ngày 25/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp đã kết luận: Mẫu than tro và mẫu quần áo bị cháy một phần, ghi thu tại vị trí giữa nhà S gửi giám định, đều có phát hiện thành phần của nhót. Hoàn trả mẫu than tro và mẫu quần áo bị cháy một phần còn lại sau giám định (đã được niêm phong) cho Cơ quan trưng cầu giám định khi nhận kết luận giám định.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Thanh S đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; S cũng đã tích cực nhờ gia đình bồi thường cho bị hại và đại diện gia đình bị hại đồng ý nhận 5.000.000 đồng, đồng thời viết đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bồi thường đối với giá trị tài sản bị thiệt hại còn lại do S gây nên.

Tại Cáo trạng số: 19/CT-VKSLVo ngày 19/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thanh S ra Tòa án nhân dân huyện L để xét xử về tội “Hủy hoại tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh S đủ yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại tài sản”.

Trên cơ sở phân tích tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tội phạm, nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 178 Bộ luật hình sự; các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S mức hình phạt tù 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 05 (năm) năm tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về tội saün thu giò vaø vaät chöùng cuûa vuï aùn: Căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy:

- + Mẫu than tro và mẫu quần áo bị cháy một phần còn lại sau giám định;
- + Một nắp chụp bằng kim loại trên đầu quẹt gas;
- + Một cái áo thun, một cái quần sọt màu xanh bằng vải kaki và một đôi dép kẹp của bị cáo (do không còn giá trị sử dụng và bị cáo không nhận lại).

Về dân sự: Các bị hại không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Bị cáo Nguyễn Thanh S thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo đúng như nội dung Cáo trạng và nội dung vụ án như đã nêu ở trên, tại phần tranh luận bị cáo S cũng không phát biểu tranh luận với Kiểm sát viên, và lời nói sau cùng của bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Bích T thống nhất trình bày: Bị cáo S là cháu ruột của bà T, cháu vợ của ông N, bị cáo S gọi bà T và ông N là cô, dượng. Nhà của bị cáo S nằm cặp vách nhà của ông N, bà T. Từ trước đến nay, giữa hai bên gia đình không xảy ra mâu thuẫn gì. Khi S thực hiện hành vi đốt nhà của mình đã làm cháy lan S nhà ông N, bà T và làm thiệt hại hoàn toàn đối với căn nhà của ông N và bà T cùng 05 (năm) xe mô tô các loại và các vật dụng trong nhà theo đúng như lời khai của ông N và bà T tại Cơ quan điều tra. Trong quá trình điều tra và truy tố, ông N và bà T có đơn bãi nại, với nội dung không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo S. Tại phiên tòa ông N và bà T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S vì S là lao động chính trong gia đình, vợ S lại không có nghề nghiệp ổn định và đang nuôi con nhỏ. Đồng thời ông N và bà T không yêu cầu bồi thường gì đối với bị cáo S.

- Người làm chứng chị Phan Thị Hồng K, chị Trần Thị H, chị Nguyễn Thị Ngọc H có mặt tại phiên tòa, đã cung cấp lời khai phù hợp với lời khai đã cung cấp cho các Cơ quan tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố của vụ án cũng như phù hợp với lời khai của bị cáo và diễn biến quá trình xảy ra vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Bị cáo Nguyễn Thanh S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, do buồn phiền việc nợ nần nên quản trí mà thực hiện hành vi phạm tội.

Lời thừa nhận tội của bị cáo Nguyễn Thanh S phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án và tại phần tranh luận bị cáo cũng thống nhất với nội dung cáo trạng, luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo đã không phát biểu tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo đã có hành vi châm lửa đốt nhà của mình nhưng do ngọn lửa cháy quá lớn nên cháy lan S nhà của các bị hại, gây thiệt hại về tài sản như đã nêu cho các bị hại, từ đó cho thấy bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý gián tiếp. Bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đủ thể lực và trí lực nhận biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Từ những phân tích trên cho thấy đã đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh S có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 178 Bộ luật hình sự.

[3]. Hành vi phạm tội “Hủy hoại tài sản” của bị cáo Nguyễn Thanh S quy định tại khoản 3 Điều 178 Bộ luật hình sự. Tại khoản 3 Điều 178 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a).....

3. Phạm tội gây thiệt hại cho tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

4. ...”

[4]. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ gây thiệt hại về tài sản, ảnh hưởng đến cuộc sống của bị hại, mà còn gây ảnh hưởng đến tình hình trị an tại địa phương, vi phạm nếp sống văn minh của xã hội. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai như ngày hôm nay là cần thiết, để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời nhằm mục đích giáo dục phòng ngừa chung cho xã hội.

Hội đồng xét xử cần phải áp dụng mức hình phạt thích đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo học tập, lao động và có điều kiện trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt thể hiện qua việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; chỉ vì suy nghĩ nông cạn và trình độ học vấn thấp nên nhất thời phạm tội. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả; tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự và xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ

quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 178 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo S tại phiên tòa, cho thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Cáo trạng số: 19/CT-VKSLVo ngày 10/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Nguyễn Thanh S là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 178; các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục bị cáo và nhằm mục đích phòng ngừa chung trong xã hội.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Do các bị hại không yêu cầu gì đối bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Bị cáo Nguyễn Thanh S bị kết tội, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10]. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

2. Áp dụng khoản 3 Điều 178 của Bộ luật hình sự; điểm b, điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự;

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16 tháng 5 năm 2019. Khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 01 năm 2019.

3. Về dân sự: Không xem xét giải quyết.

4. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy:

- + Mẫu than tro và mẫu quần áo bị cháy một phần còn lại sau giám định;
- + Một nắp chụp bằng kim loại trên đầu quẹt gas;
- + Một cái áo thun, một cái quần sọt màu xanh bằng vải kaki và một đôi dép kẹp của bị cáo (do không còn giá trị sử dụng và bị cáo không nhận lại).

Toàn bộ vật chứng như đã nêu ở trên đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện L giữ theo Biên bản giao nhận tang vật, tài sản lập ngày 01/8/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L với Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo và các bị hại có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CQ CSĐT Công an huyện L;
- CC THADS huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, VPTA (X).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Kiến